

**CÔNG TY CỔ PHẦN ABUSTACAFE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ABUSTACAFE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ABUSTACAFE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110353632

**3. Ngày thành lập:** 16/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 18c Ngõ 15, Ngách 5 Hẻm 2 Tổ 4 Văn Nội, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0938850986

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hoá<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                           | 4610     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                     | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                 | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                   | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                               | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ dược phẩm)                                                                                                              | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                | 4651     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                    | 4659     |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng và kim loại quý khác)                                                                                    | 4662     |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                       | 4669     |
| 11. | Trồng cây cà phê                                                                                                                                                   | 0126     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa Công ty kinh doanh;<br>loại trừ hoạt động đấu giá | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                   | 6810        |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(trừ tư vấn pháp luật bất động sản)<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản | 6820        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                         | 4711        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                             | 4722        |
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                               | 4723        |
| 19. | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                                                                              | 1077(Chính) |
| 20. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                               | 1079        |
| 21. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                                                                                                         | 2825        |
| 22. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                             | 4781        |
| 23. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                     | 4782        |
| 24. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                           | 4783        |
| 25. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                          | 4784        |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)                                                                                                                                  | 4789        |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử                                                                                                                                   | 4791        |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                      | 4799        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)                                                                                                                                      | 5229        |
| 30. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                     | 5621        |
| 31. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);                                                                                                                                                                   | 5629        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);                                                                           | 5630 |
| 33. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                      | 5820 |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 35. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 36. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 38. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 39. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                            | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VĂN DUY | Tổ dân phố Bắc,<br>Thị trấn Liễu Đề,<br>Huyện Nghĩa<br>Hưng, Tỉnh Nam<br>Định, Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 300.000       | 3.000.000.000            | 30,000       | 0360880194<br>12                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số                            | 300.000       | 3.000.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐÀO THỊ<br>HẰNG   | Cụm 1, Thôn Tử<br>Dương, Xã Cao<br>Thành, Huyện<br>Ứng Hoà, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 25,000       | 0011870280<br>46                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                                          |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | VŨ VĂN TÂM    | Số 4 Ngách 4 Ngõ 185 Đường Lĩnh Nam, Tổ 19, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 230.000 | 2.300.000.000 | 23,000 | 001087000732 |
|   |               |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                          | Tổng số                   | 230.000 | 2.300.000.000 | 23,000 |              |
|   |               |                                                                                                          |                           |         |               |        |              |
| 4 | LÊ NGỌC QUỲNH | Số 4 Ngách 4 Ngõ 185 Đường Lĩnh Nam, Tổ 19, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 220.000 | 2.200.000.000 | 22,000 | 038191000152 |
|   |               |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                          | Tổng số                   | 220.000 | 2.200.000.000 | 22,000 |              |
|   |               |                                                                                                          |                           |         |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/02/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036088019412

Ngày cấp: 01/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Bắc, Thị trấn Liễu Đề, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Bắc, Thị trấn Liễu Đề, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội